



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

CHU VĂN HIỀN

**GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THiểu SỐ Ở HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

Chuyên ngành: Quản lý Kinh tế
Mã số: 60.34.04.10

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Hương

Phản biện 1: GS. TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 2: PGS. TS. Mai Văn Nam

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 8 tháng 9 năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, xóa bỏ tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng xã hội không còn là mục tiêu của riêng một quốc gia nào mà đã trở thành mục tiêu phấn đấu của toàn thế giới.

Ở nước ta, sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tuy nền kinh tế có sự phát triển khá mạnh, tốc độ tăng trưởng hàng năm cao, nhưng lại phải đương đầu với sự phân hóa giàu nghèo. Vì vậy, giảm nghèo toàn diện, bền vững luôn được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm và xác định là mục tiêu xuyên suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội và là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần phát triển đất nước.

Đăk Hà là một huyện miền núi nằm về phía Bắc của tỉnh Kon Tum. Những năm qua thực hiện Chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Giai đoạn 2011 – 2015, mỗi năm giảm được từ 3- 4% hộ nghèo. Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, tình trạng tái nghèo, phát sinh hộ nghèo còn diễn ra hàng năm; đời sống của nhân dân vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số rất khó khăn; thêm vào đó là địa bàn các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống địa hình tương đối rộng, hiểm trở, đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng còn nhiều thiếu thốn, trình độ dân trí còn thấp, phong tục tập quán còn lạc hậu, kinh tế chủ yếu còn tư cung, tự cấp, sản xuất hàng hóa phát triển chậm, đội ngũ cán bộ năng lực, trình độ còn nhiều yếu kém, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo còn nhiều bất cập, nên tỷ lệ hộ nghèo ở đây còn rất cao.

Xuất phát từ vấn đề trên, cho nên tác giả chọn đề tài: ***“Giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đăk Hà, tỉnh Kon***

Tum" làm luận văn nghiên cứu tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các lý luận cơ bản về giảm nghèo.

- Phân tích thực trạng nghèo và công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà.

- Đề xuất các giải pháp chủ yếu, nhằm đẩy nhanh công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Đăk Hà.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng nghèo và công tác giảm nghèo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đăk Hà giai đoạn 2011 – 2016 như thế nào?

- Để giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà cần thực hiện những giải pháp cụ thể nào?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu trên địa bàn huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu từ số liệu thứ cấp giai đoạn 2011- 2016 và số liệu sơ cấp năm 2017. Các giải pháp giảm nghèo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2025

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu, bao gồm: Phương pháp nghiên cứu chung; phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp bằng bộ câu hỏi soạn sẵn; phương pháp phân tích, thống kê, so sánh...

6. Ý nghĩa khoa học của đề tài

- Làm sáng tỏ và phong phú thêm một số luận điểm của lý thuyết kinh tế học về giảm nghèo.

- Giúp cho những người nghèo vùng dân tộc thiểu số tự vươn lên giảm nghèo một cách hiệu quả nhất.

- Giúp cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể có những cơ chế, chính sách, cách làm phù hợp để giúp đồng bào dân tộc thiểu số giảm nghèo nhanh, hiệu quả.

7. Bộ cục đề tài: Gồm có 3 chương

Chương 1. Cơ sở lý luận về giảm nghèo.

Chương 2. Thực trạng công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đắk Hà.

Chương 3. Giải pháp giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đắk Hà

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢM NGHÈO

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHÈO VÀ GIẢM NGHÈO

1.1.1. Khái niệm nghèo – nghèo đa chiều

Cho đến nay, khái niệm về nghèo đói chưa hề có sự thay đổi, mặc dù chưa có định nghĩa chính thức, tuy nhiên nhiều quan niệm về nghèo đói hiện đang được các quốc gia thừa nhận:

Theo Liên hợp quốc (UN): *“Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa là dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn”*.

Tại Hội nghị về chống nghèo đói do Ủy ban Kinh tế - Xã hội Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) tại Bangkok, Thái Lan vào tháng 9 năm 1993, các quốc gia trong khu vực đã thống nhất cao rằng: *“Nghèo khổ là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội, phong tục tập quán của từng vùng và những phong tục ấy được xã hội thừa nhận.”*

Các khái niệm trên cho thấy sự thống nhất cao của các quốc gia, các nhà chính trị và các học giả cho rằng nghèo là một hiện tượng đa chiều, tình trạng nghèo cần được nhìn nhận là sự thiếu hụt, không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người.

Vì vậy, nghèo đa chiều có thể được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu một số nhu cầu cơ bản cho cuộc sống.

1.1.2. Tiêu chí xác định chuẩn nghèo

Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020.

* Các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo:

1. Các tiêu chí về thu nhập

a) Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

b) Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản

a) Các dịch vụ xã hội cơ bản (05 dịch vụ): y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin.

b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số).

* Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình:

1. Hộ nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở

xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

1.1.3. Đặc điểm của đồng bào dân tộc thiểu số ảnh hưởng đến nghèo

Một là, cộng đồng các dân tộc thiểu số sống ở những địa bàn không thuận lợi, đi lại khó khăn, xa trung tâm.

Hai là, nhận thức của cộng đồng các dân tộc thiểu số còn thấp, các phong tục tập quán còn lạc hậu.

Ba là, các gia đình dân tộc thiểu số thường đông con, ít quan tâm đến việc học hành của con em mình.

Bốn là, nhà ở còn tạm bợ, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, tập quán sản xuất lạc hậu, phần lớn là tự cung, tự cấp.

Năm là, tính trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước còn quá lớn.

Sáu là, thiếu thông tin thị trường, bị tư thương ép giá, cân đong, đo, đếm không đúng với số lượng nên bị thiệt rất nhiều.

Bảy là, trình độ nhận thức còn hạn chế nên thường bị các thế lực phản động lợi dụng, kích động, lôi kéo.

1.1.4. Các nguyên nhân dẫn đến nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số

*** Nguyên nhân về điều kiện tự nhiên:**

- Xa trung tâm kinh tế của tỉnh, thị xã, giao thông đi lại khó khăn.

- Đất đai cằn cỗi, chưa chủ động hoàn toàn về nước.

- Thời tiết khắc nghiệt, nắng hạn kéo dài, lốc xoáy cục bộ, sạt lở đất.

* **Nguyên nhân về kinh tế:** Quy mô kinh tế nhỏ bé, cơ cấu kinh tế lạc hậu, tốc độ tăng trưởng chậm, thu nhập thấp; khả năng huy động nguồn lực vật chất cho công tác xóa đói giảm nghèo khó khăn; thị trường bị bó hẹp...

* **Nguyên nhân về xã hội:** Gia đình đông con, lao động trình độ thấp, trình độ dân trí thấp; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản còn hạn chế;

* Tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo còn nhiều bất cập.

1.1.5. Khái niệm giảm nghèo

Có thể hiểu “*Giảm nghèo là tổng thể các biện pháp, chính sách của nhà nước và xã hội hay của chính những đối tượng thuộc diện nghèo, nhằm tạo điều kiện để họ có thể tăng thu nhập, thoát khỏi tình trạng thu nhập thấp, không được đáp ứng những nhu cầu dịch vụ xã hội tối thiểu trên cơ sở chuẩn nghèo được quy định cho từng địa phương, khu vực, quốc gia*”.

1.1.6. Vai trò của giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số

a. Đói nghèo đối với sự phát triển kinh tế

Giảm nghèo là tiền đề cho sự phát triển kinh tế khi đói nghèo giảm đi. Ngược lại, sự phát triển kinh tế là nhân tố đảm bảo cho sự thành công trong công tác giảm nghèo.

b. Đói nghèo đối với sự phát triển xã hội

Như vậy, từ cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo đói lại kéo theo cái vòng luẩn quẩn khác của sự phát triển của một quốc gia, của một địa phương.

c. Đói nghèo đối với vấn đề chính trị, an ninh, xã hội

Nghèo đói làm phát sinh những tệ nạn xã hội như trộm cắp, mại dâm, đạo đức bị suy đồi gây rối loạn xã hội.

d. Đói nghèo đối với vấn đề văn hóa

Đói nghèo là một trong những nguy cơ tiềm ẩn kéo theo các vấn đề văn hóa xã hội và sự kìm hãm xã hội, nó ăn sâu vào tiềm thức của từng hộ gia đình, từng người trong cuộc sống sinh hoạt văn hóa.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GIẢM NGHÈO

1.2.1. Nội dung cơ bản của công tác giảm nghèo

a. Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nghèo
- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo
- Hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao kỹ thuật và kinh nghiệm cho hộ nghèo

- Hỗ trợ về đất sản xuất cho hộ nghèo

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

b. Tạo điều kiện cho hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

- Hỗ trợ về y tế

- Hỗ trợ về giáo dục

- Hỗ trợ về nhà ở

- Hỗ trợ về nước sạch và vệ sinh

- Về trợ giúp pháp lý

c. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người nghèo

1.2.2. Các tiêu chí đánh giá giảm nghèo

Thứ nhất, tăng thu nhập bình quân hộ nghèo.

Thứ hai, tăng số hộ thoát nghèo.

Thứ ba, giảm tỷ lệ hộ tái nghèo.

Thứ tư, điều kiện nhà ở và sinh hoạt được cải thiện.

Thứ năm, cơ hội được chăm sóc sức khỏe và tiếp cận dịch vụ

giáo dục được nâng cao.

Thứ sáu, giảm thiểu nguy cơ bị tổn thương và rủi ro cho các đối tượng nghèo.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO.

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý không thuận lợi.
- Đất đai không thuận lợi cho sản xuất.
- Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thiên tai thường xuyên xảy ra.

1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Kinh tế có tác động trực tiếp tới công tác giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế và thu nhập, không những tạo điều kiện vật chất cho sự hỗ trợ ngày càng lớn của nhà nước cho người nghèo, mà còn giúp cho người nghèo có thêm nhiều thuận lợi để vươn lên.

1.3.3. Nguồn lực giảm nghèo

Là nhân tố tác động trực tiếp đến hiệu quả của công tác giảm nghèo. Trong các nguồn lực xóa đói giảm nghèo thì nguồn lực huy động trong nước giữ vai trò quan trọng.

1.3.4. Ý thức vươn lên thoát nghèo

Nhiều người nghèo thường có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác mà không có ý chí vươn lên thoát nghèo.

1.3.5. Công tác tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đối với công tác giảm nghèo còn nhiều hạn chế, bất cập. Đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu.

1.4. KINH NGHIỆM GIẢM NGHÈO Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1.4.2. Kinh nghiệm của Huyện ĐắkMil - ĐắkNông

1.4.2. Kinh nghiệm của tỉnh Thanh Hóa

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HUYỆN ĐẮK HÀ

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN ĐẮK HÀ

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Huyện Đăk Hà, nằm cách trung tâm thành phố Kon Tum 20 km về phía Bắc. Là trung điểm giữa thị xã Kon Tum và huyện Đăk Tô, có quốc lộ 14 chạy qua, nên có điều kiện thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế.

Có tổng diện tích đất tự nhiên 84.572,42ha, trong đó đất nông nghiệp 23.701,6ha; đất lâm nghiệp là 42.540 ha. Tỷ lệ độ che phủ của rừng là 45,3%.

Đăk Hà nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, trong năm chia làm 02 mùa rõ rệt: Mùa nắng và mùa mưa.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

a. Đặc điểm kinh tế

Kinh tế huyện phát triển tương đối cao, bình quân cao hàng năm trên 15%; thu nhập bình quân đầu người 36,1 triệu đồng năm 2016. Huyện tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực như cà phê, cao su, bò lời gấn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Cơ cấu kinh tế huyện chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm – ngư nghiệp, tăng cơ cấu công nghiệp - xây dựng; thương mại – dịch vụ.

Kết cấu hạ tầng điện, đường, trường, trạm, thủy lợi được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ. Hệ thống ngân hàng, bưu chính, viễn thông cơ bản đáp ứng nhu cầu của sự phát triển.

b. Đặc điểm xã hội

Huyện Đắk Hà có 10 xã và 01 thị trấn với 105 thôn (làng), tổ dân phố. Trong đó, có 64 thôn (làng) dân tộc thiểu số, có 04 xã đặc biệt khó khăn; 02 xã khó khăn; 03 xã đạt Nông thôn mới.

Dân số toàn huyện là 70.760 người, trong đó, dân tộc thiểu số chiếm 49%; người dân theo đạo chiếm 43%; số người trong độ tuổi lao động chiếm 50% dân số, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Cùng với sự phát triển của xã hội, tình hình giáo dục và đào tạo của huyện Đắk Hà cũng đã có những bước phát triển. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng ngày càng được quan tâm. Cơ sở vật chất của ngành y tế được tăng cường.

2.1.3. Đặc điểm các dân tộc thiểu số huyện Đắk Hà

Đắk Hà có 15 dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc Xơ Đăng, Bana, chiếm hơn 90% dân số là người dân tộc thiểu số. Thu nhập bình quân đầu người năm 2016 đạt 17,5 triệu đồng, gần bằng 50% so với thu nhập bình quân đầu người của huyện. Qua nghiên cứu thực tế, có thể rút ra một số đặc điểm của các dân tộc thiểu số huyện Đắk Hà.

- Hầu hết cư trú ở những địa bàn không thuận lợi; thời tiết, khí hậu khắc nghiệt.

- Kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, ít áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Nhận thức còn thấp; các gia đình thường đông con, tính trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước còn quá lớn.

- Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; nhà ở vẫn còn tạm bợ; nước sạch, vệ sinh môi trường chưa đảm bảo.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại một số xã

còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định.

2.2. THỰC TRẠNG NGHÈO CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ

2.2.1. Thực trạng nghèo chung của huyện, giai đoạn 2011 - 2016

Theo tiêu chí tiếp cận đa chiều, hiện nay, tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện là 3.644 hộ, chiếm tỷ lệ 22,49%, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số 3.443 hộ, chiếm tỷ lệ 94,48%. Có thể thấy thực trạng nghèo qua thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

+ Xét về thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo còn thấp, chỉ có 5.850.909 đồng/người/năm, gần bằng 1/6 mức thu nhập bình quân của huyện năm 2016 (36,1 triệu đồng/người).

+ Xét về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của các hộ nghèo, chúng ta có thể thấy:

- *Về y tế:* Vẫn còn một số hộ nghèo chưa được tiếp cận với các dịch vụ y tế; 4,17% số hộ chưa có thể bảo hiểm y tế.

- *Về giáo dục:* Hộ gia đình có người từ 15 tuổi trở lên không tốt nghiệp trung học cơ sở chiếm tỷ lệ tương đối lớn 40,50%; tỷ lệ trên em từ 6 tuổi đến 15 tuổi không đi học là 6,28%.

- *Về nhà ở:* Số hộ chưa có nhà hoặc nhà ở tạm bợ, thiếu kiên cố chiếm 34,32%.

- *Về nước sạch và vệ sinh:* Hộ gia đình không được tiếp cận với các nguồn nước hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ 8,48%.

- *Tiếp cận thông tin:* Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet chiếm tỷ lệ 37,35%.

2.2.2. Thực trạng nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Đắk Hà, kết quả từ số liệu điều tra

Qua điều tra, khảo sát 150 hộ nghèo dân tộc thiểu số ở 5 xã trên

địa bàn huyện, chúng ta có thể thấy thực trạng nghèo của họ như sau:

a. Điều kiện sống và phương tiện sản xuất của các hộ nghèo

(1) Tình hình sử dụng đất đai, nhân khẩu, lao động

- Các hộ dân tộc thiểu số nghèo có diện tích đất sản xuất là 1.735,4 m² ít hơn nhiều so với diện tích đất canh tác bình quân chung của huyện là 1.920,3 m²; hệ số canh tác thấp chỉ là 1,72 lần/năm. Ngoài ra, còn có 35/150 hộ thiếu đất sản xuất theo quy định.

- Quy mô gia đình hộ nghèo dân tộc thiểu số khá lớn 5,1 người/hộ; trình độ học vấn thấp; nguồn lao động ít, chưa được đào tạo nghề, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, gia đình đông con.

(2) Tình hình nhà ở, phương tiện sinh hoạt chủ yếu

Đa số hộ nghèo dân tộc thiểu số có nhà ở bán kiên cố chiếm 58,76%; số hộ ở trong các nhà tạm chiếm tương đối cao 36%; còn 4% số hộ chưa có nhà.

Đồ dùng, phương tiện sinh hoạt của các hộ gia đình này cũng chỉ ở mức tối thiểu. Chỉ có một số hộ có xe máy rẽ tiền; các đồ dùng sinh hoạt đắt tiền không có; có 36% số hộ có ti vi... Với thực trạng này, cho thấy, chất lượng cuộc sống của các hộ nghèo ở đây còn gặp vô vàn khó khăn, thiếu thốn.

(3) Thực trạng các yếu tố sản xuất

Phương tiện sản xuất của các hộ nghèo dân tộc thiểu số còn nhiều thiếu thốn và chưa đồng bộ. 100% số hộ không có máy cày, bừa; chỉ có 61 hộ có trâu, bò cày kéo.

b. Thu và cơ cấu thu chi hằng năm

- Thu nhập bình quân của các hộ nghèo dân tộc thiểu số chỉ có 28.750 triệu đồng bằng 18,4% so với bình quân chung toàn huyện, chủ yếu thu từ sản xuất nông nghiệp, chiếm 81,6% .

- Về nguồn chi chủ yếu cho việc mua lương thực, thực phẩm chiếm 61,7% thu nhập, số thu không đủ bù chi, tích lũy không có, thậm chí còn âm.

c. Tình hình sử dụng vốn và nhu cầu vay vốn của hộ nghèo dân tộc thiểu số

Đa số các hộ nghèo dân tộc thiểu số đều cần có vốn và thiếu vốn sản xuất, hiện nay chỉ mới đáp ứng được 30% nhu cầu của các hộ. Hơn nữa, vẫn còn 46 hộ vẫn chưa tiếp cận được các nguồn vốn.

2.2.3. Nguyên nhân nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Đắk Hà và nhóm điều tra

a. Nguyên nhân khách quan

- Đa số hộ nghèo dân tộc thiểu số sống ở những xã, thôn có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

- Kết cấu hạ tầng vùng dân tộc thiểu số còn thiếu, chưa đồng bộ.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Thiếu vốn sản xuất.

- Không biết cách làm ăn.

- Thiếu đất canh tác.

- Thiếu việc làm, chưa được đào tạo nghề.

- Bệnh tật, sức khỏe yếu kém.

- Tỷ lệ người phụ thuộc cao.

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN ĐẮK HÀ GIAI ĐOẠN 2011-2016

2.3.1. Thực trạng hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

a. Thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm

- Từ năm 2011 – 2016, đã tổ chức mở 140 lớp đào tạo nghề cho

3.636 học viên, trong đó, học viên thuộc hộ nghèo dân tộc thiểu số là 1.874 học viên.

b. Hỗ trợ sản xuất, nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông

Trong những năm qua, huyện đã lồng ghép các chương trình, dự án của Trung ương, tỉnh để hỗ trợ các loại cây, con giống, phương tiện sản xuất cho các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng các mô hình kinh tế có hiệu quả; đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c. Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho hộ nghèo

Từ năm 2011 – 2015, đã tiến hành hỗ trợ 370 hộ nghèo dân tộc thiểu số khai hoang được trên 350 ha đất nông nghiệp với tổng số tiền 1,25 tỷ đồng.

d. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Trong những năm gần đây, kết hợp, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn vốn của Trung ương, địa phương và sự đóng góp của nhân dân, huyện Đắk Hà đã tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số một cách mạnh mẽ từ đường giao thông nông thôn, hệ thống kê mương thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, cơ sở y tế, trường học... cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống, sản xuất, chữa bệnh, học hành của nhân dân.

e. Chính sách tín dụng cho các hộ nghèo

Hàng năm Ngân hàng Chính sách - Xã hội huyện đã tạo điều kiện cho hộ nghèo vay vốn sản xuất, kinh doanh một cách kịp thời. Nhìn chung các hộ nghèo dân tộc thiểu số sử dụng vốn đúng mục đích, tương đối có hiệu quả.

2.3.2. Thực trạng tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

a. Hỗ trợ về y tế

Thực hiện chỉ đạo của ngành y tế tỉnh, trong những năm qua, huyện đã được quan tâm chỉ đạo cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo đảm bảo, kịp thời; thực hiện tốt Quyết định 139/2002/QĐ-TTg, ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo.

b. Hỗ trợ về giáo dục

Trong giai đoạn 2011 - 2016, huyện đã triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ giáo dục cho con em hộ nghèo, con em hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời huy động sự đóng góp của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với công tác giáo dục - đào tạo của huyện.

c. Hỗ trợ về nhà ở

Trong giai đoạn 2011-2016, huyện đã tập trung hỗ trợ xóa nhà tạm cho 1.396 hộ nghèo với tổng kinh phí là 43.633 triệu đồng, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số 1.312 hộ với kinh phí 41.006 triệu đồng.

d. Hỗ trợ về nước sạch và vệ sinh

Huyện đã tập trung đầu tư hệ thống nước tự chảy tại 64/64 thôn (làng) dân tộc thiểu số; hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh.

e. Hỗ trợ về pháp lý cho người nghèo

Huyện đã quan tâm thực hiện tốt công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo dân tộc thiểu số bằng nhiều hình thức như: trợ giúp pháp lý lưu động tại các thôn (làng); tư vấn pháp luật tại huyện; tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua tờ rơi, tờ gấp, các cuộc họp, sinh hoạt ở khu dân cư...

2.3.3. Thực trạng công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người nghèo dân tộc thiểu số

Huyện đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người nghèo dân tộc thiểu số bằng nhiều hình thức như: cấp không thu tiền các báo, tạp chí; nâng cao hiệu quả hệ thống tuyên thanh cơ sở; phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở; thông qua các cuộc vận động, các phong trào cách mạng quần chúng...

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN ĐẮK HÀ GIAI ĐOẠN 2011-2016

2.4.1. Những kết quả đạt được

Công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số đạt kết quả tích cực góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh của huyện.

Trong giai đoạn 2011 – 2015 (theo chuẩn nghèo cũ), số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm là 1.729 hộ (năm 2011 số hộ nghèo dân tộc thiểu số toàn huyện là 2.896 hộ, đến năm 2015 giảm còn 1.167 hộ), đạt 120% kế hoạch đề ra. Theo chuẩn nghèo mới, năm 2016, đã giảm được 276 hộ nghèo dân tộc thiểu số.

2.4.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Công tác điều tra, khảo sát để nắm chắc số lượng hộ nghèo dân tộc thiểu số chưa đảm bảo.

- Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, số hộ tái nghèo còn cao..

- Cơ hội tiếp cận các dịch vụ cơ bản của hộ nghèo dân tộc thiểu số còn thấp.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với người nghèo dân tộc thiểu số chưa thường xuyên.

- Hoạt động của Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo từ huyện đến các xã hiệu quả chưa cao.

- Nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế.

- Nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách - Xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu, vẫn còn một số hộ nghèo chưa được tiếp cận vốn vay.

- Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nghèo còn hạn chế.

2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Trình độ học vấn của người nghèo dân tộc thiểu số còn thấp, còn nhiều phong tục tập quán còn lạc hậu.

- Số hộ nghèo dân tộc thiểu số thường rơi vào những hộ gia đình đông con, thường xuyên đau ốm, người già...nên không có sức lao động, không có thu nhập hay thu nhập thấp dẫn đến khó có khả năng thoát nghèo.

- Nguồn lực của huyện còn hạn chế.

- Việc tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo còn nhiều bất cập; đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Cơ chế chính sách, hướng dẫn của các bộ, ngành ở Trung ương chậm, chưa đồng bộ và thường xuyên thay đổi.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HUYỆN ĐẮK HÀ

3.1. DỰ BÁO XU HƯỚNG THOÁT NGHÈO VÀ MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HUYỆN ĐẮK HÀ ĐẾN NĂM 2025

3.1.1. Dự báo về xu hướng thoát nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2025.

3.1.2. Mục tiêu giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đắk Hà đến năm 2025

a. Mục tiêu tổng quát

b. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Phấn đấu giảm tỷ lệ nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số từ 4 - 5%/năm.

- 100% thôn, làng vùng dân tộc thiểu số có đường trục giao thông được cứng hoá.

- 100% xã đặc biệt khó khăn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế cấp xã.

- 90% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới.

- Trên 95% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- 90% các hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận, cung cấp đầy đủ thông tin.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HUYỆN ĐẮK HÀ

3.2.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người nghèo dân tộc thiểu số

a. Tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm

- Gắn chương trình phát triển nguồn nhân lực với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Gắn đào tạo nghề với thực tế phát triển nông nghiệp của địa phương.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Trung tâm hướng nghiệp – Giáo dục thường xuyên của huyện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của nhà nước về dạy nghề.

b. Hỗ trợ sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, khuyến lâm

- Đẩy mạnh chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Đầu tư xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế.

- Tiếp tục hỗ trợ các giống cây trồng, vật nuôi, công cụ sản xuất.

- Tạo điều kiện thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến hàng nông sản trên địa bàn, nhà máy phân vi sinh...

- Đa dạng hóa các hình thức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

- Tập trung phát triển lâm nghiệp theo hướng khoanh nuôi, bảo vệ, tái sinh rừng.

c. Thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất

- Tập trung giải quyết đất chông lán, lán chiếm.

- Xây dựng quỹ đất nhằm giải quyết đất ở, đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số còn thiếu.

- Đẩy mạnh việc giao đất, quản lý đất rừng hiệu quả, chặt chẽ.

d. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án của Trung ương, tỉnh và huyện để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ như: đường giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi, điện sản xuất, trạm y tế, trường học...

e. Thực hiện chính sách tín dụng

- Tăng cường giải ngân cho hộ nghèo dân tộc thiểu số vay vốn phục vụ sản xuất.

- Đa dạng hóa các phương thức vay vốn gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nghèo dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại hệ thống tổ tiết kiệm và vay vốn tại các khu dân cư.

3.2.2. Nhóm giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

a. Giải pháp hỗ trợ về y tế

- Lòng ghép thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia để chăm sóc sức khỏe cho người nghèo dân tộc thiểu số.

- Cải cách thủ tục hành chính, thủ tục khám chữa bệnh cho người nghèo.

- Tích cực vận động, tranh thủ các tổ chức trong và ngoài nước, các hội đoàn thể tổ chức tư vấn, khám chữa bệnh.

- Tăng cường củng cố mạng lưới y tế cơ sở.

b. Giải pháp hỗ trợ về giáo dục

- Giữ vững và phát huy kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi.

- Thực hiện đồng bộ chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

c. Giải pháp hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh

- Lòng ghép các nguồn vốn, huy động sự đóng góp của toàn xã hội hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số sửa chữa, xây dựng nhà ở.

- Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sạch.

- Hỗ trợ một phần kinh phí cho hộ nghèo dân tộc thiểu số đầu tư xây dựng, cải tạo nhà tiêu đảm bảo hợp vệ sinh theo quy định.

d. Tăng cường trợ giúp pháp lý

- Khảo sát nhu cầu và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí.

- Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các tổ trợ giúp pháp lý tại các thôn đồng bào dân tộc thiểu số.

3.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, ý thức vươn lên thoát nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động để người nghèo dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức, tự phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đài truyền thanh có sở; hệ thống loa truyền thanh không dây ở các khu dân cư.

- Phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, của từng cán bộ, đảng viên trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao.

3.2.4. Nhóm giải pháp về công tác tổ chức thực hiện giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số

a. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng

- Ban hành Chỉ thị nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phân công các cơ quan đơn vị huyện nhận kết nghĩa với các

thôn (làng) vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

- Đẩy mạnh sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

b. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo

- Tiến hành củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo.

- Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực điều hành của chính quyền cơ sở..

- Tập trung kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của chính quyền.

c. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác giảm nghèo

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm trong tuyên truyền, vận động tham gia tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo của huyện.

- Phát động và triển khai thực hiện các cuộc vận động các phong trào hành động cách mạng có hiệu quả.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả của các đoàn thể đứng ra tín chấp với Ngân hàng Chính sách – Xã hội cho các hộ nghèo vay vốn.

- Phát huy vai trò các đoàn thể trong giám sát và phản biện xã hội; đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội, các phong tục tập quán lạc hậu.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Đói nghèo là vấn đề vừa mang tính kinh tế, vừa để lại cho xã hội nhiều hậu quả nặng nề. Đói nghèo tạo ra vòng luẩn quẩn.

Mặc dù công tác giảm nghèo nói chung, giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đắk Hà nói riêng đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng các xã có đồng bào dân tộc thiểu số cư trú điều kiện tự nhiên không thuận lợi, cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém, phong tục tập quán còn lạc hậu, tình hình an ninh, chính trị còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định, nên hiện nay tỷ lệ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn rất cao, tình trạng tái nghèo, phát sinh nghèo vẫn còn xảy ra hàng năm. Đây là những thách thức lớn cho công tác giảm nghèo của huyện trong thời gian tới.

Từ thực tế đó, giải quyết vấn đề giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện đòi hỏi nguồn lực rất lớn, phải có sự phối hợp đồng bộ nhiều ngành, nhiều cấp và sự vào cuộc của toàn xã hội; đòi hỏi hết sức cao về ý thức, trách nhiệm của từng cơ quan, của từng cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Đề tài đã đề xuất 04 nhóm giải pháp giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đắk Hà. Hy vọng sẽ góp phần tích cực nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số của huyện trong thời gian tới.